

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/DS-ST**;
Ngày: 05/4/2019;
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mạnh Khang.
2. Bà Đào Thị Xê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2018/TLST-DS ngày 11/12/2018 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DSST ngày 11 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Tổ phường Phú D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH C

Địa chỉ: Nguyễn Phong , phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoài S – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu , thị trấn Thuyet Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu , thị trấn T, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

****Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Đức T là chỗ quen biết và chơi thân với nhau từ lâu, hai bên gia đình thường xuyên gặp gỡ và qua nhà nhau thăm nhà.

Khoảng cuối tháng 11/2016 ông T có đặt vấn đề với ông C và hỏi vay số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn) để làm ăn kinh doanh.

Vì cũng là chỗ thân thiết nên ông C đồng ý cho ông T vay tiền với lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Ngày 04/12/2016 (ngày 06/11/2016 âm lịch) tại Nhà nghỉ của ông Tở Ngã tư Ti nguyên đơn có cho ông T mượn số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) hai bên có viết giấy vay nợ.

Đến tháng 7/2017 ông Ttiếp tục vay ông Csố tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn), hai bên đã giao nhận tiền và viết giấy tờ vào ngày 25/8/2017 và hẹn đến ngày 20/8 âm lịch tức ngày 29/9/2017 trả ông Nguyễn Văn C toàn bộ tiền vay.

Việc vay mượn chỉ được thực hiện giữa hai bên là ông C và ông T. Bà Nguyễn Thị P là vợ ông T thời điểm đó đang đi chấp hành án nên không biết và không nhận tiền.

Quá hạn nêu trên ông Nguyễn Đức T không thực hiện nghĩa vụ. Tại các buổi làm việc ông Nguyễn Đức T thừa nhận khoản nợ này, thừa nhận việc quá hạn thanh toán do khó khăn nên chưa có điều kiện trả nợ cho ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Đức Tcũng khẳng định đã trả cho nguyên đơn 52.000.000 đồng. Do ông Nguyễn Đức Tkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên ông Nguyễn Văn C đã ủy quyền toàn bộ cho Công ty Luật TNHH Châu . Luật sư đã làm việc, xác minh tìm hiểu được biết ông Nguyễn Đức T có điều kiện kinh tế, lại kinh doanh đá quý, hiện đang là đương sự

trong vụ án ly hôn và chia tài sản, tuy nhiên ông Nguyễn Đức T vẫn nêu lý do và chưa thanh toán khoản nợ này.

Từ các căn cứ là:

- Giấy vay tiền ngày 4/12/2016

- Giấy vay tiền ngày 25/8/2017

- Căn cứ vào các quy định của pháp luật tại các điều 471, 474, 476 BLDS 2005, 463, 466, 468 BLDS 2015, điều 688 BLDS 2015 kính đề nghị Quý Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức:

- Buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho ông Nguyễn Đức C số tiền gốc còn nợ là 598.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng).

- Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu lãi của số tiền trên.

****Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Đức T trình bày:***

Ông và ông Nguyễn Văn C có quan hệ là bạn bè làm ăn. Ông T thừa nhận có vay của ông C số tiền 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng) theo các giấy ghi nợ ngày 04/12/2016 và ngày 25/08/2017. Việc vay mượn chỉ giữa ông C và ông T, vợ của ông Tuấn thời điểm đó là bà Nguyễn Thị P không biết và không liên quan gì đến việc vay mượn trên.

Ông T đã thanh toán trả cho ông C tổng số tiền là 52.000.000đ và hiện nay chỉ còn nợ lại ông Nguyễn Văn C số tiền 598.000.000đ. Nay Tòa án giải quyết, ông T mong muốn được trực tiếp gặp ông C để trao đổi cụ thể về khoản nợ trên.

****Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn P trình bày:***

Bà là vợ của ông Nguyễn Đức T. Tuy nhiên, vào thời điểm tháng 10/2017, bà và ông T đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức và đã được giải quyết ly hôn. Trong thời điểm từ năm 2012 đến tháng 8/2016, do vi phạm pháp luật nên bà đã đi chấp hành án theo Bản án của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức. Quá trình từ tháng 08/2016 đến khi chấp hành xong hình phạt, bà và ông T sống ly thân không còn liên quan gì về tình cảm và kinh tế. Việc ông Tn vay mượn tiền của ông Nguyễn Văn C từ bao giờ, Vay bao nhiêu tiền, vay làm gì bà không biết, không liên quan nên không có trách nhiệm cùng trả nợ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị tòa án buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho ông số tiền nợ gốc còn lại là 598.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng). Về toàn bộ tiền lãi của khoản nợ trên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 116, 117, 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C buộc ông T trả cho ông C số tiền nợ gốc còn lại là 598.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng).

Về án phí: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông C. Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đây là vụ kiện phát sinh từ hợp đồng vay tài sản là tiền giữa ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Đức T, ông T có nơi cư trú tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Ông Nguyễn Đức T thừa nhận có giao dịch nhiều lần về việc vay tài sản (tiền Việt Nam đồng) của ông Nguyễn Văn Ch, cụ thể là tại các Giấy vay tiền ngày 04/12/2016 với nội dung “tên tôi là Nguyễn Đức T, sinh năm 1966 ở tại, khu , thị trấn Tr, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, ... nay tôi có vay của anh Nguyễn Văn

Chh, số nhà 5, ng đường Phúc Diễn, ...quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.....số tiền là 500.000.000đ(năm trăm triệu đồng).....”. Cũng tại giấy vay tiền ngày 25/08/2017 có nội dung “tên tôi là Nguyễn Đức Tn, sinh năm 19 ở tại, khu , thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, ... nay tôi có vay của anh Nguyễn Văn Ch, số nhà 145, ngõ đường Phúc D, ...quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.....số tiền là 150.000.000đ(một trăm năm mươi triệu đồng), hẹn anh C đến ngày 20/08/2017 em trả...”.

Như vậy tổng số tiền theo hai giấy nhận nợ ngày 04/12/2016 và ngày 25/08/2017 giữa ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Văn Clà 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Ông Nguyễn Đức T thừa nhận số nợ trên theo giấy nhận nợ. Do đó giao dịch về vay nợ tiền lập ngày 04/12/2016 và ngày 25/08/2017 giữa ông Nguyễn Đức Tn và ông Nguyễn Văn Ch là có thật và có giá trị pháp lý, đồng thời giao dịch này phát sinh nghĩa vụ dân sự (nghĩa vụ trả nợ tiền của ông T đối với ông C).

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng ông đã trả được cho ông C số tiền 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng) nhưng ông Ch cho rằng ông T mới chỉ thanh toán cho mình được số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên sau đó ông Ch thừa nhận ông đã được ông T trả 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng). Hội đồng xét xử ghi nhận ông Tn đã thanh toán cho ông C số tiền 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng) là tiền gốc vay nợ trên cơ sở sự thừa nhận của nguyên đơn. Xác định ông T còn nợ ông Ch số tiền 598.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng) là phù hợp và có căn cứ.

[2.3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, 117, 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4]. Đối với khoản tiền lãi thỏa thuận tại nhận nợ ngày 04/12/2016 và ngày 25/08/2017 giữa ông C và ông T, xét ông Ch tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5]. Xét, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên và không yêu cầu bà Nguyễn Thị P (là vợ của ông Nguyễn Đức T – đã ly hôn vào thời điểm tháng 10/2017) phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ; đồng thời lời khai của bà P xác định không biết việc vay mượn tiền giữa ông C và ông T, bà cũng không ký tên trong giấy vay tiền ông C, ông T vay tiền của ông Clà để chi tiêu cá nhân, không phục vụ sinh hoạt hoặc phát triển kinh tế gia đình. Thời

điểm ông T vay tiền của ông Ch, bà P đang đi chấp hành án và sau khi chấp hành án xong thì bà P và ông T mâu thuẫn, dẫn đến ly thân và ly hôn vào thời điểm tháng 10/2017.

[2.6]. Do đó, chỉ có căn cứ xác định số tiền nợ nêu trên là khoản vay riêng của ông T không liên quan đến bà Phên không có căn cứ buộc bà P phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông C.

[2.7]. Quan điểm của VKS nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền còn nợ là 598.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng) là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147 và Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 163, 164, Điều 166 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Văn C đối với ông Nguyễn Đức T.

2. Buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền: **598.000.000 đồng** (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng).

3. Ghi nhận ông Nguyễn Văn Ch không yêu cầu ông Nguyễn Đức T thanh toán lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc

chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đức T phải chịu 27.920.000đ (*Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) ông đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0008531 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã (phường) nơi cư trú của họ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- TAND. TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

